

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130 /2020/DS-PT
Ngày 10 – 6 – 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Út

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:133/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:118/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Võ Thanh T2, là Luật sư của Văn phòng luật sư Thanh T2 - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Quang T1, sinh năm 1958 (Có mặt).

Cư trú: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Cư trú: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

2. Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

3. Bà Phạm Thu B1, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

4. Đỗ Diễm M (Vắng mặt).

5. Đỗ Văn N (Vắng mặt).
 6. Ông Lâm Văn D , sinh năm 1969 (Vắng mặt).
Cùng cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..
 7. Bà Nguyễn Thu B2, sinh năm 1961 (Vắng mặt).
Cư trú: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh C ..
 8. Chị Đỗ Kim C2, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..
 9. Chị Đỗ Chúc L, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Cư trú: Khóm 5, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..
- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Quang T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Đỗ Thị P trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cụ Đỗ Văn Bê (cha của Đỗ Quang T1 và bà P). Vào thời gian nào bà P không nhớ, cụ Bê cho ông T1 diện tích khoảng 5,5 công (công tầm lớn). Thời gian sau, ông T1 nhận đất trong Lâm Ngư Trường và đi vào Lâm Ngư Trường canh tác nên trả đất lại cho cụ Bê, cụ Bê tặng cho diện tích đất nêu trên lại cho bà P. Năm 1991, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Bê đi kê khai đăng ký cho bà P và bà P được cấp quyền sử dụng đất. Bà P canh tác đất được khoảng 20 năm thì đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên bà P giao đất lại cho ông Danh và bà Phạm Thu B1 canh tác. Ông T1 lấy đất lại cho ông C1 canh tác cho đến nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T1 đang quản lý. Bà P yêu cầu ông T1 giao trả diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.101,7m², tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Theo ông Đỗ Quang T1 trình bày:*

Năm 1980, cha ông là cụ Đỗ Văn Bê cho ông T1 phần đất diện tích 05 công (tầm lớn), tọa lạc ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (cụ Bê đã chết). Ông T1 sử dụng đến năm 1990 thì cho bà P là em ruột của ông T1 mượn canh tác, lúc này ông T1 đã được cấp đất trong Lâm Ngư Trường. Sau khi nhận đất, ông T1 về sinh sống xã Khánh Bình Tây Bắc nên không đăng ký kê khai phần đất này. Đến năm 2011, chính quyền ấp Kinh Tư, xã Khánh Lộc thông báo cho ông T1 biết là bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất của ông T1 nên ông T1 đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Văn Thời nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T1 làm đơn yêu cầu gửi Ban nhân dân ấp Kinh Tư giải quyết việc bà P kê khai làm quyền sử dụng đất của ông, được chính quyền địa phương, các anh em trong gia đình xác nhận đất này là của ông T1. Do hoàn cảnh bà P khó khăn nên ông T1 cho mượn đất canh tác nhưng bà P tự ý kê khai, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông T1 không đồng ý tiếp tục cho mượn và lấy lại đất từ năm 2011 đến nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà P, ông T1 nhận từ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Văn Thời; ông T1 đã xé bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp hiện nay ông T1

cho ông Huỳnh Văn C1 thuê sản xuất hàng năm, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản hợp đồng. Ông T1 xác định phần đất tranh chấp là của ông T1, nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà P.

- Theo bà Nguyễn Thu B2 trình bày:

Bà Nguyễn Thu B2 thống nhất nội dung trình của ông T1 và không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà P.

- Theo chị Đỗ Kim C2 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp chị không rõ, nhưng theo chị biết thì phần đất tranh chấp ông nội của chị là cụ Bê đã cho cha của chị là ông T1.

- Theo ông Huỳnh Văn C1 trình bày:

Ông đang thuê phần đất giữa bà P với ông T1 đang tranh chấp. Ông T1 cho ông thuê hàng năm, hiện nay đã thu hoạch lúa xong. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà P buộc ông T1 trả đất thì ông đồng ý trả lại đất và không yêu cầu gì đối với hợp đồng thuê giữa ông với ông T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị P. Buộc ông Đỗ Quang T1, bà Nguyễn Thu B2, ông Huỳnh Văn C1 trả lại cho bà P phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 7.101,7m², đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/3/2020, ông Đỗ Quang T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Quang T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông T1 phát biểu: Phần đất tranh chấp là của ông T1 được cha ông cho vào năm 1980, đến năm 1990 ông cho bà P mượn canh tác, nhưng bà P tự ý đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất nên ông lấy lại đất. Ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu bà P.

Luật sư Tùng phát biểu: Nguồn gốc phần đất tranh chấp bà P được cụ Bê cho vào năm 1990; đến năm 1991 cụ Bê cùng bà P đi đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất cho bà P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà P đứng tên. Bà P quản lý sử dụng đất thời gian hơn 20 năm, khi bà P đi làm ăn mới gửi lại phần đất cho em ruột là Đỗ Văn Danh quản lý sử dụng. Việc ông T1 cho rằng phần đất này ông cho bà P mượn sản xuất là không có cơ sở. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà P không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Quang T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Đỗ Thị P khởi kiện đòi ông Đỗ Quang T1 trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 7.101,7m², đất tọa lạc tại ấp Kinh Tư, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời. Do bản án sơ thẩm buộc ông T1 trả lại đất theo yêu cầu bà P nên ông T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Xét kháng cáo của ông T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, bà P và ông T1 trình bày thống nhất với nhau về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, bà P cho rằng phần đất tranh chấp nêu trên là của bà P được cụ Bê tặng cho; còn ông T1 cho rằng phần đất là của ông T1, ông T1 cho bà P mượn canh tác.

[2] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ thể hiện: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Đỗ Văn Bê (cha của ông T1 và bà P). Năm 1980, cụ Bê tặng cho ông T1 phần đất này; đến năm 1988, ông T1 được Lâm Ngư trường cấp cho diện tích đất 2,5 ha, nên phần đất này ông T1 chỉ sử dụng đến năm 1990 thì giao lại cho cụ Bê; cụ Bê giao lại phần đất này cho bà P sử dụng. Năm 1991, cụ Bê đã tự đi đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất cho bà P đứng tên và bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà P ông T1 đã nhận và xé bỏ nên không thu thập được. Theo công văn số 708/UBND-VP ngày 09 tháng 3 năm 2018 của UBND huyện Trần Văn Thời thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đỗ Thị P ngày 15/10/1991 số giấy A 719854 số vào sổ 03239 diện tích 7.200m², thửa số 327,328 tờ bản đồ số 02. Mặt khác ông T1 cho rằng phần đất này ông cho bà P mượn canh tác nhưng cũng không có chứng cứ gì để chứng minh.

[3] Hơn nữa, đối với phần đất nêu trên mặc dù trước đó cụ Bê đã tặng cho ông T1 nhưng chỉ bằng lời nói, không xác lập văn bản giấy tờ tặng cho; từ năm 1990 đến năm 2011 (thời gian trên 20 năm) ông T1 cũng không đăng ký kê khai và cũng không quản lý sử dụng phần đất này, mà phần đất này do bà P quản lý sử dụng; trong thời gian quản lý sử dụng đất bà P cũng đã cho người khác thuê để canh tác nhưng ông T1 cũng không có ý kiến gì, đến năm 2011 ông T1 mới phát sinh tranh chấp.

[4] Từ phân tích trên, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp nêu trên là đất của cụ Bê đã tặng cho bà P; án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà P, buộc ông T1 trả lại cho bà P phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 7.101,7m² là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông T1 được miễn chịu án phí (Ông T1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí).

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Quang T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P.

Buộc ông Đỗ Quang T1, bà Nguyễn Thu B2, ông Huỳnh Văn C1 trả lại cho bà P phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế 7.101,7m²; đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. Vị trí hướng đông giáp đất ông Đỗ Thiện Quốc cạnh ngang 31m; hướng tây giáp kinh sáu thước cạnh ngang 31m; hướng nam giáp kinh nội đồng cạnh dài 229,2m; hướng bắc giáp đất bà Phạm Thu B1 cạnh dài 229,2m.

Bà P có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 1-2016 ngày 06/5/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời)

- Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Bà Đỗ Thị P phải chịu 4.589.000 đồng (đã nộp xong)

- Án phí sơ thẩm dân sự: Ông Đỗ Quang T1 được miễn chịu án phí. Bà Đỗ Thị P không phải chịu án phí. Bà P đã dự nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005245 ngày 29/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1 được miễn chịu án phí. Ông T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003441 ngày 23/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập